

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 71/2024/DS-ST.

Ngày: 27/9/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR – TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Yao Bkrông, ông Phan Xuân Thắng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023. Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69a/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số:47a/2024/QĐST-DS ngày 10/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T. Trụ sở: Số 266-268, đường N, phường V, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973 - Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng T. Nơi cư trú: Số 17, đường số 8, phường 11, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Ông Lê Thành D, sinh năm 1994. Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 2B, Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 02/12/2021, ông Lê Thành D có ký với Ngân hàng TMCP T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/12/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-8440, số tài khoản 3964829893 với hạn mức sử dụng là 33.000.000 đồng, lãi suất 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (theo quyết định ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank số 2399/2019/QĐ/TTT ngày 06/8/2019), mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Việc vay tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.987.000 đồng và các khoản phải thanh toán cho Ngân hàng gồm tiền phí trễ hạn (phí chậm thanh toán) 828.887 đồng; lãi trong hạn 4.937.607 đồng (tính từ ngày 05/01/2022 đến ngày 05/6/2022); phí vượt hạn mức 241.598 đồng; phí thường niên 999.000 đồng. Tổng số tiền ông D phải thanh toán cho Ngân hàng là 38.994.092 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 999.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/06/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 27/09/2024, ông D còn nợ Ngân hàng tổng cộng 76.522.022 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, hai mươi hai đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lê Thành D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/09/2024 là 76.522.022 đồng, trong đó: Nợ gốc là 31.987.000 đồng; phí trễ hạn (phí chậm thanh toán) 828.887 đồng; phí vượt hạn mức là 241,598 đồng; lãi trong hạn từ ngày (05/01/2022 đến ngày 05/06/2022) là 4.937.607 đồng; lãi quá hạn từ ngày (06/06/2022 đến ngày 27/09/2024) là 38.526.930 đồng.

- Ông Lê Thành D còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 28/09/2024 theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

\*Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn ông Lê Thành D nhưng ông D không đến Toà án

làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

**\* Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:**Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 244, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc buộc ông Lê Thành D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/09/2024 là 76.522.022 đồng, trong đó: Nợ gốc 31.987.000 đồng; phí trễ hạn (phí chậm thanh toán) 828.887 đồng; phí vượt hạn mức là 241,598 đồng; lãi trong hạn từ ngày (05/01/2022 đến ngày 05/06/2022) là 4.937.607 đồng; lãi quá hạn từ ngày (06/06/2022 đến ngày 27/09/2024) là 38.526.930 đồng, cũng như lãi suất phát sinh cho đến ngày trả hết nợ.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên Hội đồng xét xử thấy rằng:*

**[1] Về tố tụng:** Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện ông Lê Thành D về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Lê Thành D có nơi cư trú tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

**[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Ngân hàng yêu cầu buộc ông Lê Thành D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc 31.987.000 đồng; phí trễ hạn (phí chậm thanh toán) 828.887 đồng; phí vượt hạn mức là 241,598 đồng; lãi trong hạn từ ngày (05/01/2022 đến ngày 05/06/2022) là 4.937.607 đồng; lãi quá hạn từ ngày (06/06/2022 đến ngày 27/09/2024) là 38.526.930 đồng và lãi suất phát sinh cho đến ngày trả hết nợ.

Xét thấy, ngày 02/12/2021, ông Lê Thành D có ký với Ngân hàng TMCP T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/12/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) hạn mức sử dụng là 33.000.000 đồng, lãi suất 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (theo quyết định ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank số 2399/2019/QĐ/TTT ngày 06/8/2019), mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Tính đến thời điểm hiện tại ông Lê Thành D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 76.522.022 đồng là thực hiện không đúng với các nội dung cam kết trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Do đó, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng về việc buộc ông Lê Thành D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/09/2024 là 76.522.022 đồng, trong đó: Nợ gốc 31.987.000 đồng; phí trễ hạn (phí chậm thanh toán) 828.887 đồng; phí vượt hạn mức là 241,598 đồng; lãi trong hạn từ ngày (05/01/2022 đến ngày 05/06/2022) là 4.937.607 đồng; lãi quá hạn từ ngày (06/06/2022 đến ngày 27/09/2024) là 38.526.930 đồng và phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn ông Lê Thành D phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 3.826.000đ ( theo mức 76.522.022đ x 5%)

- Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 1.223.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí (do ông Nguyễn Minh T nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0027638 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lý trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, Điều 161, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

- Buộc ông Lê Thành D phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 27/09/2024 là 76.522.022 đồng, trong đó: Nợ gốc 31.987.000 đồng; phí trễ hạn (phí chậm thanh toán) 828.887 đồng; phí vượt hạn mức là 241,598 đồng; lãi trong hạn là 4.937.607 đồng; lãi quá hạn là 38.526.930 đồng.

Từ ngày 28/9/2024 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán với mức lãi suất thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/12/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[2] Về án phí:

- Ông Lê Thành D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.826.000đ.

- Hoàn trả cho Ngân hàng T 1.223.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí (do ông Nguyễn Minh T nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0027638 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Quyền kháng cáo:

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Nhã Phương**